|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH  **KHOA CT&BC**  **‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾‾** |

**HỌP HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO KHOA CHÍNH TRỊ VÀ BÁO CHÍ VỀ RÀ SOÁT, CẬP NHẬT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NGÀNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC THEO TIẾP CẬN CDIO**

**I. Thành phần tham dự:** Ban Lãnh đạo trường KHXHNV cùng toàn thể cán bộ tham gia giảng dạy ngành Quản lý nhà nước.

**Địa điểm**: Văn phòng Khoa Chính trị và Báo chí

**Thời gian:** 8h00 ngày 03/8/2021

Chủ trì: PGS.TS. Trần Viết Quang

Thư ký: ThS. Phạm Thị Thúy Hồng

**II. Nội dung:** Thảo luận thống nhất góp ý về phương pháp kiểm tra đánh giá các học phần ngành Quản lý nhà nước.

1. PGS.TS. Trần Viết Quang, Chủ tịch Hội đồng Khoa học và đào tạo, chủ trì cuộc họp: tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần, thông qua chương trình cuộc họp.

2. TS. Phan Văn Tuấn: trình bày chủ trương của Nhà trường về việc định hướng xây dựng chương trình đào tạo theo hướng tiếp cận CDIO.

**Phần thảo luận các ý kiến:**

- TS. Trương Thị Phương Thảo: Đánh giá sinh viên trong quá trình học tập là hoạt động xác định mức độ đạt được CĐR của các học phần và từ đó bảo đảm sinh viên đạt được CĐR của CTĐT.

- TS. Nguyễn Văn Trung: Cần bổ sung các phiếu tự đánh giá của sinh viên trong các bài tập nhóm bên cạnh phiếu đánh giá của giảng viên.

- ThS. Nguyễn Thị Diệp: Tiêu chí đánh giá cần cần bám sát vào các CĐR các kỹ năng của ngành.

**III. Kết luận của hội đồng**

PGS.TS. Trần Viết Quang kết luận, thống nhất phương pháp kiểm tra đánh giá các học phần ngành Quản lý nhà nước như sau:

**1. Các hình thức đánh giá để đạt được CĐR của CTĐT**

**Bảng 1. Sự tương thích giữa CĐR của CTĐT và các hình thức đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các hình thức đánh giá** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR của CTĐT** | | | | | | | | |
| **1.1** | **1.2** | **1.3** | **2.1** | **2.2** | **3.1** | **3.2** | **4.1** | **4.2** |
| Hoạt động nhóm | Rubrics | *√* |  | *√* | *√* |  | *√* | *√* |  |  |
| Bài tập | Đáp án | *√* | *√* | *√* | *√* |  |  |  |  |  |
| Trắc nghiệm khách quan | Đáp án | *√* | *√* | *√* |  |  |  |  |  |  |
| Tự luận | Đáp án | *√* |  | *√* |  | *√* |  | *√* | *√* |  |
| Tiểu luận | Rubrics | *√* |  | *√* |  | *√* |  |  | *√* | *√* |
| Đồ án | Rubrics |  |  | *√* |  | *√* | *√* | *√* | *√* | *√* |

2. Thống nhất về phương pháp kiểm tra, đánh giá

2.1. Hình thức kiểm tra, đánh giá

*- Đánh giá ý thức và thái độ học tập*

Đánh giá ý thức học tập là đánh giá mức độ chuyên cần mà sinh viên phải tham gia lớp học. Đánh giá thái độ học tập là đánh giá mức độ sinh viên thể hiện thái độ tích cực và hợp tác trong lớp cũng như trong tinh thần đồng đội khi thực hiện nhóm. Tính chuyên cần và thái độ học tập của sinh viên được đánh giá theo các tiêu chí ở bảng Rubric.

- *Đánh giá hồ sơ học phần*

Đối với hồ sơ học phần, sinh viên bắt buộc phải làm bài tập liên quan đến các bài học trong lớp hoặc sau giờ học. Những bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm. Ngoài ra, sinh viên phải đáp ứng những yêu cầu về các học liệu kèm theo học phần của giảng viên.

- *Đánh giá theo hình thức kiểm tra, bài tập*

Hình thức kiểm tra, bài tập được giảng viên tiến hành vào giữa kỳ hoặc tại các buổi học trên lớp. Giảng viên cho các câu hỏi, nhiệm vụ và giao cho sinh viên hoàn thành trong thời gian nhất định (1 tiết 50 phút hoặc 2 tiết 100 phút). Đối với bài tập, giáo viên có thể gọi trực tiếp sinh viên lên bảng để làm, hoặc trả lời bằng các hình thức khác nhau, gửi qua thư điện tử hoặc hệ thống LMS.

- *Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm*

Hình thức trắc nghiệm là dạng kiểm tra trong đó mỗi câu hỏi kèm theo câu trả lời sẵn. Loại câu hỏi này cung cấp cho sinh viên một phần hay tất cả thông tin cần thiết và đòi hỏi sinh viên phải chọn một hay nhiều giải pháp trả lời đúng nhất. Loại câu hỏi này được gọi là trắc nghiệm khách quan vì chúng đảm bảo tính khách quan, chính xác, ổn định và không phụ thuộc vào người chấm; đồng thời nó cho phép đánh giá được toàn bộ những khả năng của người học theo sự phân loại (ghi nhớ thông tin, thông hiểu, áp dụng, phân tích, tổng hợp và đánh giá). Bài trắc nghiệm thường có số câu hỏi nhiều hơn bài tự luận.

- *Đánh giá theo hình thức tự luận*

Sinh viên phải trả lời một số câu hỏi, bài tập hoặc ý kiến cá nhân về các vấn đề liên quan đến yêu cầu kiến thức của học phần. Các yêu cầu của câu hỏi trong các đề thi được thiết kế để đánh giá kết quả học tập của học phần. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong hình thức này là từ 1 đến 10 theo đáp án của đề thi.

- *Đánh giá viết báo cáo*

Sinh được đánh giá thông qua báo cáo về chủ đề giảng viên yêu cầu, bao gồm nội dung được trình bày trong báo cáo, cách trình bày, định dạng trong báo cáo.

- *Đánh giá thuyết trình*

Sinh viên chuẩn bị bài thuyết trình theo một chủ đề nghiên cứu theo yêu cầu của giảng viên. Giảng viên cho điểm sinh viên thông qua buổi trình bày báo cáo, đưa ra các câu hỏi trực tiếp và nhận các các câu trả lời. Các tiêu chí để đánh giá sinh viên qua hoạt động thuyết trình được mô tả trong bảng Rubric.

- *Đánh giá hoạt động nhóm*

Hoạt động nhóm được sinh viên tiến hành thông qua các hoạt động trên lớp, bài tập nhóm. Các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động nhóm được mô tả trong bảng Rubric.

*- Đánh giá đồ án*

Tiến độ thực hiện đồ án được sinh viên báo cáo trên lớp. Sau khi hoàn thiện đồ án, sinh viên báo cáo sản phẩm trước hội đồng chấm đồ án.

2.2. Thang điểm đánh giá

Thang điểm đánh giá kết quả học tập theo từng học phần của CTĐT được quy định như Bảng 2 và Bảng 3

**Bảng 2.** Thang điểm đánh giá học phần

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Điểm chữ** | **Điểm 10 tương ứng** | **Quy ra thang điểm 4** |
| A | 8.5-10.0 | 4.0 |
| B+ | 8.0-8.4 | 3.5 |
| B | 7.0-7.9 | 3.0 |
| C+ | 6.5-6.9 | 2.5 |
| C | 5.5-6.4 | 2.0 |
| D+ | 5.0-5.4 | 1.5 |
| D | 4.0-4.9 | 1.0 |
| F | <4.0 | 0.0 |

**Bảng 3.** Thành phần và điểm đánh giá học phần

|  |  |
| --- | --- |
| **Thành phần đánh giá** | **Tỷ lệ** |
| **1. Đánh giá quá trình** | **50%** |
| 1.1. Đánh giá ý thức, thái độ học tập  Đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ học tập.  Yêu cầu sinh viên dự học tại lớp trên 80% mới đủ điều kiện được dự thi kết thúc học phần. Nếu sinh viên không được dự thi học phần thì bị tính điểm F và phải học lại học phần. | 10% |
| 1.2. Đánh giá hồ sơ học phần  Hồ sơ có thể là bài tập cá nhân, báo cáo bài tập nhóm, báo cáo kết quả thảo luận, minh chứng sản phẩm học tập…  Tùy theo đặc thù học phần mà giảng viên quy định các sản phẩm cụ thể. | 20% |
| 1.3. Đánh giá giữa kỳ  Nếu số tín chỉ lý thuyết ≤ 3 thì tổ chức 1 lần kiểm tra.  Nếu số tín chỉ lý thuyết ≥ 4 thì tổ chức 2 lần kiểm tra, điểm đánh giá là điểm trung bình. | 20% |
| **2. Đánh giá thi kết thúc học phần**  Học phần chỉ có lý thuyết: điểm đánh giá là điểm của bài thi kết thúc học kỳ và hình thức đánh giá do bộ môn quy định (tự luận, trắc nghiệm khách quan, vấn đáp, bài tập lớn,...)  Học phần có cả lý thuyết và đồ án: điểm đánh giá cuối kỳ là điểm báo cáo đồ án. | **50%** |
| **3. Công thức tính điểm học phần**  *3.1. Học phần chỉ có lý thuyết:*  Điểm học phần lý thuyết được tính như sau, làm tròn đến một chữ số thập phân:  a = a1 × 0.1 + a2 × 0.2 + a3 × 0.2 + a4 × 0.5.  Trong đó, a: điểm học phần; a1: điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; a2: điểm đánh giá hồ sơ học phần; a3: điểm trung bình cộng của các bài đánh giá giữa học phần; a4: điểm đánh giá thi kết thúc học phần.  *3.2. Học phần bao gồm cả lý thuyết và đồ án:*  a = a1 × 0.1 + a2 × 0.2 + a3 × 0.2 + (a4 \* m + a5\*n)\*0.5/(m + n).  Trong đó, a: điểm học phần, làm tròn đến một chữ số thập phân; a1: điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; a2: điểm đánh giá hồ sơ học phần; a3: điểm trung bình cộng của các bài đánh giá giữa học phần; a4: điểm đánh giá thi kết thúc phần lý thuyết; a5: điểm báo cáo đồ án; m: số tiết lý thuyết; n: số tiết đồ án.  *3.2. Học phần thực tập cuối khóa:*  - Điểm học phần được tính như sau, làm tròn đến một chữ số thập phân:  a = a1 × 0.5 + a2 × 0.5  Trong đó, a: điểm học phần, làm tròn đến một chữ số thập phân; a1: điểm đánh giá của giảng viên hướng dẫn; a2: điểm đánh giá của cán bộ hướng dẫn nơi sinh viên thực tập. | |

**Thư ký Chủ tọa**

****

**ThS. Phạm Thị Thúy Hồng PGS.TS. Trần Viết Quang**